

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt danh sách học sinh và giáo viên được hưởng
các chế độ, chính sách học kì II năm học 2025-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ A ĐƠI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ về quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và các cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Căn cứ Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Căn cứ Nghị định số 277/2025/NĐ-CP ngày 20/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 218/2025/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ Quy định về Chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Lao động Thương binh và Xã hội - Bộ Tài chính Quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Căn cứ Nghị quyết 106/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị về chính sách hỗ trợ tiếp cận giáo dục cho học sinh khuyết tật tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 2035/HD-SGDĐT ngày 06/11/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) về việc thực hiện các chính sách đối với học sinh, học viên trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Phòng Văn hóa - Xã hội tại Tờ trình số 426/TTr-VHXXH ngày 23/9/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách học sinh và giáo viên được hưởng các chế độ, chính sách học kỳ II, năm học 2025-2026, bao gồm:

- Nghị định 66/2025/NĐ-CP:
 - + Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho trẻ em theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP. (Các Trường TH&THCS): 394 hồ sơ (học sinh);
 - + Chính sách hỗ trợ tiền ăn, tiền ở cho trẻ em theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP. (Các Trường Mầm non): 120 hồ sơ (học sinh);
 - + Chính sách hỗ trợ để thực hiện quản lý nhóm trẻ em, nhà trẻ: 03 hồ sơ (lớp);
- Nghị định 105/2020/NĐ-CP và Nghị định 277/2025/NĐ-CP:
 - + Chính sách hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi: 788 hồ sơ (học sinh);
 - + Chính sách hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép, tăng cường Tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số: 45 hồ sơ (giáo viên);
 - + Chính sách hỗ trợ kinh phí trông trưa đối với trẻ em 3-5 tuổi: 15 hồ sơ (lớp);
- Nghị định số 238/2025/NĐ-CP: 3.276 hồ sơ (học sinh);
- Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BTBLĐXH-BTC: 55 hồ sơ (học sinh);
- Nghị quyết số 106/2021/NQ-HĐND: 7 hồ sơ (học Sinh).

(có danh sách chi tiết kèm theo).

Điều 2. Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra các trường học thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Hiệu trưởng các trường có học sinh được hưởng chế độ chịu trách nhiệm cấp phát đúng đối tượng và thực hiện thanh, quyết toán theo chế độ quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Văn hóa - Xã hội, Kinh tế; Hiệu trưởng các trường mầm non, TH&THCS và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Trọng Kim